

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hữu Hưởng.

2. Ông Hà Văn Sơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan H - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021:

Nguyên đơn: Anh Tạ Văn B, sinh năm 1990. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản D, H, xã C, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1993. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản D, H, xã C, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân Hàng chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc Thắng - Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Cầm Văn Sơn - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 12 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tạ văn B trình bày như sau:

Anh và chị Hoàng Thị thu H kết hôn với nhau từ năm 2012 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 05/03/2012. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 8 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do chị H mai chơi điện thoại không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại. Sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tiểu khu 1, thị trấn Hát Lót ở, anh B cũng có xuống đón về nhưng chị không về. Nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó tới nay trong suốt thời gian ly thân chị cũng không về thăm nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn, không thể tiếp tục chung sống được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu các cháu Tạ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Tạ Thị Thảo Ly, sinh ngày 08/9/2014. Từ khi sống ly thân hai cháu là do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Nguyên và Ly anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh B khai không có tài sản chung và không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị có 01 khoản nợ chung của ngân hàng chính sách huyện Mai Sơn vay vốn hỗ trợ hộ nghèo là 40.000.000đ. Do chị H cố tình dấu địa chỉ và hiện đang không có mặt tại địa pH nên anh nhận trách nhiệm trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn số tiền nợ trên.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn trình bày như sau:

Ngày 06 tháng 06 năm 2019, ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn có cho anh Tạ Văn B và chị Hoàng Thị Thu H vay số tiền 40.000.000đ theo mã món vay 6600000715558357, thời hạn vay là 5 năm. Đến năm 2024 là đến hạn trả nợ. Đến thời điểm hiện tại, anh B và chị H mới chỉ thanh toán được tiền lãi xuất theo kỳ mà chưa thanh toán được khoản tiền gốc nào. Nay chị H cố tình không về và trốn tránh trách nhiệm trả nợ nên để B đảm quyền lợi cho ngân hàng, Ngân hàng nhất trí với ý kiến của anh B, để cho anh B trả toàn bộ số nợ 40.000.000đ và lãi xuất phát sinh tương ứng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị H đến Tòa án để làm việc, niêm yết công khai tại nơi cư trú hợp pháp. Tuy nhiên chị H không có mặt, trốn tránh, gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của anh B.

Căn cứ Điều 208 BLTTDS và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung, nợ chung để giải quyết vụ án xin ly hôn. Kết quả xác minh đối với Ban quản lý bản D, H, xã C, M, huyện Mai Sơn và bố đẻ của anh B là ông Tạ Văn Vạn.

Do chị H vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Anh B có đơn không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định:

Áp dụng Điều 51 khoản 1 Điều 56; Điều 60, Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tạ Văn B đối với chị Hoàng Thị Thu H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu các cháu Tạ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Tạ Thị Thảo Ly, sinh ngày 08/9/2014. Giao cháu Nguyên và cháu Ly cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B do anh B không yêu cầu.

Về tài sản chung: không có.

Nợ chung: Anh B có trách nhiệm trả nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn là 40.000.000đ.

Về án phí: miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Tạ Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Hoàng Thị Thu H: Địa chỉ: Bản D, H, xã C, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành xác minh đối với công an xã C, M. Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2021 thể hiện: chị H vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại bản D, H, xã C, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, chưa làm thủ tục tạm vắng hoặc chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Gia đình và chính quyền địa phương bản D, H, xã C, M xác nhận từ năm 2019 chị H ly thân bỏ về nhà mẹ đẻ một thời gian sau đó đi làm ăn xa, có gọi điện về nhà hỏi thăm con cái nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể mình đang ở đâu, làm gì. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H mà tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc giải quyết yêu cầu xin ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Chị H được tổng đạt quyết định xét xử hợp lệ và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Tạ Văn B và chị Hoàng Thị Thu H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2012, anh chị đã được UBND xã C, M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/03/2012. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H không chăm lo cho con cái, không tu chí làm ăn kinh tế cho gia đình. Anh chị có lời qua tiếng lại, xảy ra mâu thuẫn, xô sát và chị H tự bỏ đi khỏi nhà. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, trong suốt thời gian ly thân mặc dù anh B đã nhiều lần liên lạc khuyên B chị H về nhà chăm sóc gia đình con cái nhưng chị H vẫn cố tình không về. Thậm chí còn đổi số điện thoại, không cho anh B và gia đình biết địa chỉ, chỉ thỉnh thoảng mới gọi điện về nhà hỏi thăm con cái. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh B, chị H mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, xử cho anh B được ly hôn với chị H.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là cháu các cháu Tạ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Tạ Thị Thảo Ly, sinh ngày 08/9/2014. Từ khi sống ly thân hai cháu là do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh B có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét thấy yêu cầu của anh B là chính đáng. Từ khi ly thân, chị H không chăm sóc con cái. Các cháu đều do anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy để B đảm quyền lợi của con chưa thành niên cần giao cháu Nguyên và cháu Ly cho anh B trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh B do anh B không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh B xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Nợ chung*: Anh B và chị H có nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn là 40.000.000đ theo mã món vay số 6600000715558357 ngày 06/06/2019; Đến thời điểm hiện tại anh B và chị H chưa trả được cho Ngân hàng số tiền trên. Anh B xác định chị H đã bỏ đi không có trách nhiệm gì với gia đình nên anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng. Tại văn bản xác nhận ngày 22/12/2020 và tại phiên tòa, ngân hàng có ý kiến nhất trí cho anh B trả nợ. Xét thấy thỏa thuận của các bên là không vi phạm pháp luật, B đảm quyền lợi cho bên thứ ba nên cần chấp nhận ý kiến của anh B và ngân hàng, buộc anh B phải có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Mai Sơn số tiền 40.000.000đ.

[2.5] *Về án phí*: Anh B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 60 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tạ Văn B và chị Hoàng Thị Thu H.

2. Về con chung: Anh B, chị H có 02 con chung là các cháu Tạ Thị Thảo Nguyên, sinh ngày 04/01/2013 và cháu Tạ Thị Thảo Ly, sinh ngày 08/9/2014. Giao cả hai cháu Nguyên và Ly cho anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho tới tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B do anh B không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Anh B xác nhận không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Anh B có trách nhiệm trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn số tiền 40.000.000đ theo mã món vay số 6600000715558357 ngày 06/06/2019 và lãi phát sinh tương ứng đến thời điểm trả.

5. Về án phí: Anh B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001859 ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã C, M;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga